BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Trường Đại học Mỹ thuật Công nghiệp

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2023-2024 - Lần thi: 1

Hệ: Đại học chính quy Khoa: Đồ họa Khóa: 2022 CN: Thiết kế Đồ họa

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Các thủ	Giáo dục	Giáo dục thể chất 3	Hình hoạ	Màu sắc v	Màu sắc v	Nghệ thuật	Ngoại ngữ	Phương pháp	Tư tưởng	Số HP nợ	TBC HT	Xếp loại
Số đơn vị học trình					3	11	1	4	3	4	2	3	2	3			
1	[illegible]	Nguyễn Tú	Lân	27/10/2003		6.00		2.30							1	**2.30**	Kém
2	[illegible]	Nguyễn Lâm	Anh	04/05/2004		6.00			6.50							**6.50**	TB Khá
3	[illegible]	Nguyễn Ngọc	An	17/08/2004	8.70	8.00	8.00	7.50	8.00	7.60	8.20	8.80	9.00	6.00		**7.89**	Khá
4	[illegible]	Lê Tuyết	Anh	24/11/2004	7.80	7.00	8.00	7.40	9.00	7.90	8.10	5.50	8.00	6.50		**7.49**	Khá
5	[illegible]	Nguyễn Phương	Anh	[illegible]	7.70	7.00	8.00	6.80	8.00	8.20	8.70	8.20	8.00	8.00		**7.88**	Khá
6	[illegible]	Đào Ngọc	Diệp	23/08/2004	8.10	6.00	8.00	6.60	8.50	7.70	8.10	5.70	7.00	5.00		**7.05**	Khá
7	[illegible]	Hoàng Đức	Hải	19/09/2004	7.60	7.00	8.00	7.60	7.00	7.50	9.00	6.10	6.50	5.00		**7.02**	Khá
8	[illegible]	Nguyễn Xuân	Hòa	16/04/2004	7.10	7.00	8.00	6.10	7.50	7.20	9.00	6.70	8.00	5.00		**6.92**	TB Khá
9	[illegible]	Nguyễn Thu	Hương	18/08/2004	7.20	8.00	8.00	7.40	6.50	7.60	8.00	7.10	7.00	6.00		**7.10**	Khá
10	[illegible]	Đoàn Thị Thùy	Linh	22/02/2003	8.10	7.00	8.00	7.50	8.00	7.90	7.70	7.40	7.50	6.50		**7.58**	Khá
11	[illegible]	Lý Thị Thùy	Linh	04/05/2004	7.20	6.00	8.00	6.90	7.50	7.60	8.10	7.70	7.50	8.00		**7.52**	Khá
12	[illegible]	Nguyễn Huy	Long	28/03/2004	7.10	7.00	8.00	5.90	6.50	7.50	8.90	6.80	5.00	5.00		**6.57**	TB Khá
13	[illegible]	Phạm Đinh Nhật	Minh	16/03/2004	4.20	6.00	8.00	6.30	7.00	6.00	7.70	6.90	7.00	7.00	1	**6.41**	TB Khá
14	[illegible]	Lê Thị	Nga	11/10/2004	8.00	6.00	0.00	7.70	8.00	7.00	8.00	5.60	8.00	5.00		**7.11**	Khá
15	[illegible]	Đan Yến	Thanh	08/02/2004	8.10	6.00	8.00	6.50	7.50	7.10	8.60	5.90	7.00	4.00	1	**6.75**	TB Khá
16	[illegible]	Hà Thị Phương	Thảo	08/12/2003	8.70	8.00	8.00	6.80	8.00	7.80	7.80	6.60	8.50	8.50		**7.77**	Khá
17	[illegible]	Nguyễn Thị	Thơm	08/07/2003	9.00	7.00	8.00	7.50	9.00	8.40	8.10	5.20	8.00	9.00		**8.02**	Giỏi
18	[illegible]	Nguyễn Anh	Thư	16/08/2004	8.60	7.00	4.00	6.60	7.50	7.30	7.80	7.30	7.50	5.50		**7.20**	Khá
19	[illegible]	Nguyễn Yến	Thương	01/05/2002	8.10	5.00	8.00	6.90	8.50	7.60	8.70	6.30	8.00	6.00		**7.42**	Khá
20	[illegible]	Tạ Thu	Trang	03/09/2004	8.60	7.00	8.00	7.10	7.50	7.40	7.70	7.20	7.50	6.00		**7.35**	Khá
21	[illegible]	Đỗ Tuấn	Tú	16/02/2004	7.70	7.00	8.00	5.90	6.00	6.30	9.00	6.70	6.00	1.00	1	**5.96**	Trung bình

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Các thủ	Giáo dục	Giáo dục thể chất 3	Hình hoạ	Màu sắc v	Màu sắc v	Nghệ thuật	Ngoại ngữ (Tiế	Phương pháp	Tư tưởng Hồ C	Số HP nợ	TBC HT	Xếp loại
Số đơn vị học trình					3	11	1	4	3	4	2	3	2	3			
22	[illegible]	Hoàng Hà	Vy	06/11/2004	8.50	7.00	8.00	7.60	6.50	7.30	8.40	9.10	5.00	0.00	1	**6.61**	TB Khá
23	[illegible]	Đinh Thu	An	04/01/2004	7.00	6.00	8.00	6.50	6.50	7.60	8.10	5.50	6.00	6.00		**6.65**	TB Khá
24	[illegible]	Nguyễn Ngọc	Anh	17/08/2004	8.10	9.00	8.00	7.50	8.00	8.00	8.20	8.80	7.50	8.50		**8.07**	Giỏi
25	[illegible]	Phạm Trần Thùy	Anh	26/07/2004	7.20	7.00	8.00	7.00	7.00	7.50	8.40	7.00	8.00	6.50		**7.25**	Khá
26	[illegible]	Hoàng Thị Kiều	Chinh	31/10/2003	9.00	6.00	8.00	7.30	7.50	7.10	7.70	8.00	6.00	6.00		**7.35**	Khá
27	[illegible]	Nguyễn Hữu	Hà	08/12/2004	7.00	0.00	0.00	7.90	7.00	7.00	8.00	7.50	6.50	7.00		**7.25**	Khá
28	[illegible]	Trần Thị	Hảo	17/06/2003	7.70	7.00	8.00	6.00	8.50	7.20	8.70	5.00	8.00	4.00	1	**6.74**	TB Khá
29	[illegible]	Dương Thị Yến	Hồng	24/08/2004	7.10	7.00	8.00	7.50	8.00	7.40	8.70	8.20	8.50	7.50		**7.77**	Khá
30	[illegible]	Nguyễn Thị Minh	Hương	11/11/2004	9.00	7.00	8.00	6.70	7.00	7.50	7.80	6.80	8.00	8.50		**7.60**	Khá
31	[illegible]	Cao Ngọc	Linh	08/12/2004	8.10	6.00	8.00	7.30	9.00	8.50	8.40	5.30	8.00	5.00		**7.43**	Khá
32	[illegible]	Vũ Phương	Linh	22/12/2004	7.10	7.00	8.00	7.70	7.00	7.90	7.80	8.20	7.00	7.00		**7.50**	Khá
33	[illegible]	Nguyễn Thị Hiền	Mai	26/09/2004	8.50	7.00	8.00	6.60	7.50	7.20	7.90	7.10	8.00	5.00		**7.14**	Khá
34	[illegible]	Hoàng Ngọc	Minh	11/12/2003	7.10	6.00	8.00	6.20	7.50	8.10	7.80	7.00	7.00	5.00		**6.94**	TB Khá
35	[illegible]	Hà Thị Tố	Nga	05/01/2004	8.00	7.00	8.00	7.60	7.00	7.70	7.80	6.60	8.00	9.00		**7.69**	Khá
36	[illegible]	Hoàng Thị Hương	Thảo	08/11/2004	8.00	7.00	8.00	6.20	7.50	7.30	8.30	6.40	6.00	4.00	1	**6.68**	TB Khá
37	[illegible]	Ngô Phương	Thảo	29/11/2004	8.10	8.00	8.00	7.40	8.00	8.00	8.40	2.30	8.50	8.00	1	**7.28**	Khá
38	[illegible]	Nguyễn Thị	Thùy	28/02/2004	7.20	6.00	8.00	7.70	7.50	8.20	8.50	8.10	9.00	9.00		**8.08**	Giỏi
39	[illegible]	Nguyễn Minh	Thư	28/09/2004	7.70	7.00	8.00	6.30	7.50	7.00	8.70	7.10	6.50	5.00		**6.90**	TB Khá
40	[illegible]	Nguyễn Đức	Toàn	30/03/2004	7.70	7.00	8.00	6.90	7.50	8.40	9.00	6.80	7.00	9.00		**7.76**	Khá
41	[illegible]	Đỗ Thị Thu	Trang	17/01/2004	7.20	6.00	8.00	6.80	7.50	7.20	7.80	5.70	7.00	5.50		**6.80**	TB Khá
42	[illegible]	Bùi Lan	Tường	28/08/2004	7.70	7.00	8.00	7.20	9.00	7.60	8.60	8.60	7.50	8.00		**7.97**	Khá
43	[illegible]	Nguyễn Hải	Yến	20/01/2003	8.10	6.00	8.00	6.60	8.00	7.50	8.40	5.90	8.00	5.50		**7.15**	Khá
44	[illegible]	Bùi Minh	Anh	01/04/2002	7.80	6.00	8.00	6.60	8.50	8.20	8.10	5.50	7.50	7.50		**7.43**	Khá
45	[illegible]	Nguyễn Mai	Anh	13/01/2004	7.70	7.00	0.00	7.00	8.00	7.70	8.10	9.10	6.50	2.00	1	**7.02**	Khá
46	[illegible]	Nguyễn Ngọc	Anh	26/10/2004	7.30	6.00	8.00	7.60	8.50	8.00	10.00	6.10	8.50	6.00		**7.63**	Khá
47	[illegible]	Phạm Lê	Cường	14/11/2004	8.70	7.00	8.00	7.60	9.00	8.50	8.10	7.20	8.50	4.00	1	**7.68**	Khá

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Các thủ	Giáo dục	Giáo dục thể chất 3	Hình hoạ	Màu sắc v	Màu sắc v	Nghệ thuật	Ngoại ngữ (Tiế	Phương pháp	Tư tưởng Hồ C	Số HP nợ	TBC HT	Xếp loại
Số đơn vị học trình					3	11	1	4	3	4	2	3	2	3			
48	[illegible]	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	08/10/2003	8.60	6.00	0.00	6.50	7.50	7.40	8.10	8.50	6.00	6.00		**7.32**	Khá
49	[illegible]	Ngô Thị Thanh	Hằng	05/09/2004	7.80	7.00	8.00	6.80	7.50	8.10	8.10	5.60	7.50	7.00		**7.27**	Khá
50	[illegible]	Cao Thị Ngọc	Huyền	24/11/2004	7.20	7.00	8.00	7.00	7.00	6.60	7.10	5.30	8.00	8.00		**6.96**	TB Khá
51	[illegible]	Hoàng Gia	Khánh	28/09/2004	8.20	6.00	8.00	5.90	6.50	7.60	8.10	8.40	6.00	4.50	**1**	**6.88**	TB Khá
52	[illegible]	Hán Thị Bích	Liên	27/03/2004	7.20	6.00	8.00	6.00	7.00	8.00	8.10	5.00	7.00	7.00		**6.87**	TB Khá
53	[illegible]	Lưu Thuỳ	Linh	21/09/2003	8.20	6.00	8.00	7.00	7.50	7.60	10.00	5.60	6.00	8.00		**7.43**	Khá
54	[illegible]	Tống Mỹ	Linh	04/08/2003	8.10	6.00	8.00	6.80	7.50	7.40	8.10	5.50	6.00	6.00		**6.93**	TB Khá
55	[illegible]	Đỗ Xuân	Mạnh	01/03/2002	8.10	7.00	8.00	6.30	7.00	7.90	7.10	7.50	7.50	6.00		**7.16**	Khá
56	[illegible]	Đỗ Hà	My	07/08/2004	9.00	7.00	8.00	7.40	7.50	7.40	8.10	8.20	7.00	6.50		**7.63**	Khá
57	[illegible]	Nguyễn Như	Quỳnh	30/03/2003	7.20	6.00	8.00	6.60	8.00	7.50	7.10	5.00	8.50	5.00		**6.80**	TB Khá
58	[illegible]	Dương Thanh	Thảo	21/01/2004	7.20	7.00	8.00	6.30	7.50	7.40	7.10	6.00	6.00	8.50		**7.03**	Khá
59	[illegible]	Lương Đức	Thịnh	10/02/2004	8.60	7.00	0.00	8.10	8.00	7.40	8.70	5.30	8.00	8.00		**7.71**	Khá
60	[illegible]	Kiều Lệ	Thủy	11/06/2004	8.10	7.00	8.00	7.50	7.50	8.30	8.10	6.30	9.00	8.00		**7.80**	Khá
61	[illegible]	Phan Ngọc Minh	Thư	25/04/2004	8.10	6.00	8.00	6.80	8.00	7.60	8.10	7.50	6.00	5.50		**7.21**	Khá
62	[illegible]	Đỗ Hà	Trang	29/11/2004	7.80	7.00	8.00	6.40	6.00	8.20	7.10	8.60	7.00	9.00		**7.53**	Khá
63	[illegible]	Hoàng Quốc	Trung	15/06/2004	9.00	6.00	8.00	6.00	7.00	7.90	8.10	7.50	7.00	0.00	**1**	**6.51**	TB Khá
64	[illegible]	Nguyễn Thu	Uyên	03/06/2003	7.70	7.00	8.00	6.80	7.50	7.70	10.00	8.20	8.00	7.00		**7.72**	Khá
65	[illegible]	Đỗ Tú	Anh	24/01/2003	8.20	7.00	8.00	6.70	7.50	7.70	8.20	7.70	6.00	7.50		**7.45**	Khá
66	[illegible]	Lê Dương	Anh	13/03/2004	7.10	0.00	0.00	6.30	7.00	0.00	8.70	6.00	5.50	8.00	**1**	**5.75**	Trung bình
67	[illegible]	Vũ Tú	Anh	30/06/2004	7.20	7.00	8.00	7.00	7.00	7.10	8.20	7.10	7.00	9.00		**7.40**	Khá
68	[illegible]	Nguyễn Thị Minh	Châu	18/01/2004	8.20	8.00	8.00	7.70	8.50	8.80	8.70	8.60	9.00	8.00		**8.39**	Giỏi
69	[illegible]	Nguyễn Thị Lan	Hương	30/03/2004	8.10	7.00	8.00	6.80	0.00	8.10	8.20	7.00	8.00	7.00	**1**	**6.60**	TB Khá
70	[illegible]	Nguyễn Nữ An	Khuê	18/10/2004	8.60	7.00	8.00	7.20	7.00	7.80	9.10	9.10	6.50	7.50		**7.83**	Khá
71	[illegible]	Đỗ Khánh	Linh	26/02/2004	7.10	7.00	8.00	6.70	7.00	6.30	8.20	6.10	7.00	8.00		**6.96**	TB Khá
72	[illegible]	Phạm Thảo	Linh	02/03/2004	7.60	8.00	8.00	6.30	7.50	7.50	8.20	8.20	8.00	8.00		**7.56**	Khá
73	[illegible]	Phạm Thị Thùy	Linh	27/06/2003	7.20	7.00	8.00	7.40	7.50	8.30	8.20	5.80	6.00	8.00		**7.36**	Khá

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Các thủ	Giáo dục	Giáo dục thể chất 3	Hình hoạ	Màu sắc v	Màu sắc v	Nghệ thuật	Ngoại ngữ (Tiế	Phương pháp	Tư tưởng Hồ C	Số HP nợ	TBC HT	Xếp loại
Số đơn vị học trình					3	11	1	4	3	4	2	3	2	3			
74	[illegible]	Nguyễn Trần Nhật	Mai	09/05/2003	7.10	7.00	8.00	6.80	7.50	7.30	7.10	8.70	7.00	0.00	1	**6.44**	TB Khá
75	[illegible]	Dương Bình	Minh	04/12/2004	7.70	7.00	8.00	6.90	7.00	7.60	7.10	8.00	8.50	8.00		**7.55**	Khá
76	[illegible]	Kiều Quang	Minh	21/09/2004	7.10	7.00	8.00	6.20	7.00	7.50	7.10	8.60	7.00	9.00		**7.42**	Khá
77	[illegible]	Ngô Kim	Ngân	23/06/2004	7.70	8.00	8.00	7.20	7.00	7.30	8.20	7.60	7.50	9.00		**7.64**	Khá
78	[illegible]	Dương Thị Quỳnh	Ngọc	07/04/2004	7.70	7.00	8.00	6.30	0.00	6.40	9.70	6.70	6.00	0.00	2	**5.23**	Trung bình
79	[illegible]	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	30/10/2003	7.10	6.00	8.00	6.40	6.50	6.50	9.70	7.00	7.00	4.50	1	**6.68**	TB Khá
80	[illegible]	Nguyễn Yến	Nhi	25/03/2004	8.10	7.00	8.00	6.90	7.00	8.00	8.20	7.80	7.00	8.00		**7.61**	Khá
81	[illegible]	Ngô Kiều	Oanh	04/01/2003	0.70	6.00	0.00	0.90	7.50	0.00	8.20	6.50	0.00	0.00	5	**2.67**	Kém
82	[illegible]	Nguyễn Quỳnh	Phương	12/07/2003	9.10	7.00	8.00	7.80	8.00	8.60	9.70	6.70	8.50	8.00		**8.23**	Giỏi
83	[illegible]	Trần Hồng	Phượng	19/07/2004	7.60	6.00	4.00	6.20	6.00	7.40	8.20	6.10	6.00	8.00		**6.91**	TB Khá
84	[illegible]	Đới Thị	Thanh	27/08/2004	7.60	6.00	8.00	6.70	0.00	8.00	7.10	8.00	7.00	9.00	1	**6.70**	TB Khá
85	[illegible]	Đinh Thị Hoài	Thương	07/03/2004	7.20	8.00	8.00	6.10	8.50	7.40	9.10	7.00	8.50	8.00		**7.55**	Khá
86	[illegible]	Phạm Văn	Trà	16/08/2004	8.20	6.00	8.00	7.00	7.50	8.60	7.10	7.00	7.00	5.00		**7.24**	Khá
87	[illegible]	Trình Quang	Trường	06/10/2003	7.60	7.00	8.00	7.00	7.50	7.30	7.10	8.10	7.00	9.00		**7.58**	Khá
88	[illegible]	Nguyễn Minh	Anh	21/12/2004	7.60	7.00	8.00	7.30	8.00	7.20	8.60	6.70	8.00	9.00		**7.71**	Khá
89	[illegible]	Phí Thị Phương	Anh	05/03/2004	8.00	7.00	8.00	7.20	9.00	8.00	8.60	7.30	8.50	9.00		**8.12**	Giỏi
90	[illegible]	Vũ Diệu	Chi	01/02/2003	7.10	7.00	8.00	6.90	8.50	7.80	8.60	6.20	7.50	7.00		**7.39**	Khá
91	[illegible]	Bạch Gia	Linh	26/09/2004	8.00	8.00	8.00	6.60	8.50	7.50	8.60	7.30	7.50	9.00		**7.79**	Khá
92	[illegible]	Cao Thị Bảo	Linh	01/06/2004	7.10	6.00	8.00	6.10	6.50	7.60	10.00	8.70	7.50	9.00		**7.65**	Khá
93	[illegible]	Đỗ Thành	Long	24/03/2003	7.10	7.00	8.00	7.50	8.00	7.50	10.00	7.60	8.00	9.00		**7.96**	Khá
94	[illegible]	Nguyễn Quỳnh	Mai	23/07/2003	7.60	7.00	8.00	7.90	7.00	8.60	9.00	8.00	8.00	5.00		**7.62**	Khá
95	[illegible]	Lê Anh	Minh	04/09/2004	7.60	7.00	8.00	6.60	6.50	7.20	10.00	8.70	7.00	8.50		**7.63**	Khá
96	[illegible]	Bùi Kim	Ngọc	05/04/2004	8.00	6.00	0.00	5.00	7.00	0.00	8.10	6.80	7.00	8.00	1	**5.82**	Trung bình
97	[illegible]	Hạ Bích	Ngọc	13/09/2003	7.10	7.00	8.00	5.70	8.00	7.70	8.60	8.10	8.00	6.50		**7.33**	Khá
98	[illegible]	Lê Bích	Ngọc	17/06/2003	7.10	7.00	8.00	6.40	7.50	5.90	8.10	8.00	8.50	5.00		**6.88**	TB Khá
99	[illegible]	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	10/01/2004	9.00	7.00	8.00	6.60	7.00	8.10	8.60	7.60	8.00	8.00		**7.78**	Khá

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Các thủ	Giáo dục	Giáo dục thể chất 3	Hình hoạ	Màu sắc v	Màu sắc v	Nghệ thuật	Ngoại ngữ (Tiế	Phương pháp	Tư tưởng Hồ C	Số HP nợ	TBC HT	Xếp loại
Số đơn vị học trình					3	11	1	4	3	4	2	3	2	3			
100	[illegible]	Nguyễn Thị Kim	Oanh	17/04/2004	8.60	7.00	8.00	7.70	9.00	7.60	9.00	8.50	9.00	5.00		**7.94**	Khá
101	[illegible]	Nguyễn Trang	Phương	12/09/2004	7.10	8.00	8.00	7.20	7.00	7.60	8.60	8.50	7.50	6.00		**7.38**	Khá
102	[illegible]	Hà Ngọc Xuân	Quỳnh	01/01/2004	8.60	7.00	8.00	6.90	8.00	8.00	9.00	6.00	8.50	6.50		**7.58**	Khá
103	[illegible]	Nguyễn Thị	Thoa	23/12/2004	9.50	7.00	8.00	6.80	8.50	8.90	9.00	6.00	8.50	6.00		**7.83**	Khá
104	[illegible]	Bùi Mai Linh	Trang	19/10/2004	8.00	7.00	8.00	6.00	7.00	7.60	8.60	7.40	8.00	0.00	**1**	**6.45**	TB Khá
105	[illegible]	Lê Hoàng Ngọc	Trâm	24/02/2004	7.70	6.00	8.00	7.00	7.50	7.60	10.00	10.00	9.00	9.00		**8.29**	Giỏi
106	[illegible]	Nguyễn Đan	Vy	12/11/2004	8.10	8.00	9.00	6.50	7.50	8.30	9.00	8.10	8.50	9.00		**8.01**	Giỏi
107	[illegible]	Bùi Nguyễn Hồng	Anh	07/04/2004	7.00	8.00	9.00	7.30	7.00	7.70	10.00	10.00	7.50	8.00		**7.96**	Khá
108	[illegible]	Mai Gia	Bảo	24/09/2004	7.00	6.00	8.00	5.90	6.00	6.80	7.90	8.00	6.50	8.00		**6.94**	TB Khá
109	[illegible]	Hoàng Diệp	Chi	15/09/2002	7.20	8.00	8.00	7.50	6.00	8.20	8.10	6.50	7.00	6.00		**7.09**	Khá
110	[illegible]	Bùi Nhật	Linh	07/10/2004	6.70	8.00	8.00	6.00	7.50	7.20	8.10	8.60	9.00	8.00		**7.48**	Khá
111	[illegible]	Đào Hồng	Linh	13/05/2004	7.60	7.00	8.00	8.00	7.00	8.90	10.00	7.30	7.50	8.50		**8.08**	Giỏi
112	[illegible]	Đặng Khánh	Linh	17/01/2004	8.10	7.00	8.00	7.60	6.50	8.10	8.10	7.80	7.00	9.00		**7.80**	Khá
113	[illegible]	Nguyễn Khánh	Ly	02/03/2003	6.70	7.00	8.00	7.50	8.00	8.20	9.10	7.30	7.00	6.00		**7.46**	Khá
114	[illegible]	Cao Thị Phương	Mai	28/10/2004	8.50	7.00	8.00	7.00	7.00	7.30	7.70	7.30	6.00	9.00		**7.50**	Khá
115	[illegible]	Nguyễn Gia	Minh	01/12/2004	6.50	7.00	8.00	7.70	7.00	7.60	8.20	8.00	5.50	8.00		**7.38**	Khá
116	[illegible]	Lê Nữ Trà	My	03/02/2004	8.00	8.00	8.00	7.50	8.50	8.40	8.60	6.80	7.00	6.50		**7.68**	Khá
117	[illegible]	Lê Thu Trà	My	17/09/2004	7.60	7.00	8.00	7.10	6.50	8.20	10.00	6.80	8.50	5.00		**7.33**	Khá
118	[illegible]	Bùi Thị Như	Ngọc	18/02/2003	7.20	7.00	8.00	7.10	8.00	8.20	8.70	6.20	8.00	9.00		**7.74**	Khá
119	[illegible]	Phạm Minh	Ngọc	14/01/2003	6.70	7.00	8.00	7.10	7.50	8.40	9.10	8.40	7.00	8.00		**7.75**	Khá
120	[illegible]	Võ Thị Hồng	Ngọc	08/01/2004	7.60	8.00	8.00	7.50	9.00	8.10	8.10	7.00	8.00	6.00		**7.64**	Khá
121	[illegible]	Bùi Thị Hồng	Nhung	25/05/2003	7.60	7.00	8.00	6.40	6.00	7.70	8.70	6.20	6.50	6.00		**6.84**	TB Khá
122	[illegible]	Nguyễn Thị Kim	Oanh	11/10/2004	6.30	7.00	8.00	7.40	6.50	7.40	8.10	0.00	6.00	0.00	**2**	**5.24**	Trung bình
123	[illegible]	Trần Yến	Phương	24/09/2004	7.20	6.00	8.00	5.10	6.00	0.00	7.70	5.70	6.00	8.00	**1**	**5.35**	Trung bình
124	[illegible]	Phạm Ngô Bảo	Quỳnh	19/08/2004	6.30	7.00	8.00	6.10	6.00	7.90	9.60	7.20	7.50	5.00		**6.82**	TB Khá
125	[illegible]	Nguyễn Anh	Thơ	13/08/2004	8.10	7.00	8.00	6.60	7.50	7.20	9.60	6.00	7.50	6.00		**7.18**	Khá

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Các thủ	Giáo dục	Giáo dục thể chất 3	Hình hoạ	Màu sắc v	Màu sắc v	Nghệ thuật	Ngoại ngữ	Phương pháp	Tư tưởng	Số HP nợ	TBC HT	Xếp loại
Số đơn vị học trình					3	11	1	4	3	4	2	3	2	3			
126	[illegible]	Mẫn Hà	Trang	30/10/2004	6.30	7.00	8.00	7.60	7.00	7.80	8.10	8.10	8.00	9.00		**7.71**	Khá
127	[illegible]	Đỗ Hải	Yến	16/01/2004	9.00	7.00	8.00	7.80	6.00	8.20	9.60	7.50	8.50	9.00		**8.11**	Giỏi
128	[illegible]	Vũ Hồ	Thông	04/11/2003	6.90		8.00	6.40	6.00	5.70	0.00	8.60	5.00	0.00	**2**	**5.12**	Trung bình
129	[illegible]	Phùng Nguyễn Hải	An	27/05/2004	8.20	7.00	8.00	7.10	7.50	8.00	9.00	8.80	8.00	9.00		**8.12**	Giỏi
130	[illegible]	Đào Thúy	Bình	19/02/2004	7.70	0.00	8.00	6.70	7.50	7.30	9.00	7.60	7.50	9.00		**7.68**	Khá
131	[illegible]	Lê Vũ Bảo	Châu	27/08/2004	7.70	0.00	8.00	7.10	7.00	7.80	7.70	7.80	6.00	8.00		**7.44**	Khá
132	[illegible]	Trần Thị	Chúc	10/10/2003	8.60	8.00	8.00	7.70	8.50	8.30	7.70	8.10	7.00	8.00		**8.04**	Giỏi
133	[illegible]	Nguyễn Thị	Dung	24/06/2004	9.10	7.00	8.00	7.20	9.00	8.40	7.70	7.00	6.50	8.00		**7.92**	Khá
134	[illegible]	Nguyễn Lê	Duy	01/01/2004	7.00	7.00	0.00	7.40	8.00	7.70	9.30	6.70	6.50	0.00	**1**	**6.55**	TB Khá
135	[illegible]	Nguyễn Hương	Giang	20/11/2004	8.10	6.00	8.00	8.00	8.50	8.50	7.70	7.80	8.50	7.50		**8.09**	Giỏi
136	[illegible]	Hoàng Thái	Hà	19/04/2004	6.90	7.00	0.00	5.40	7.00	5.30	9.30	6.20	5.00	0.00	**1**	**5.49**	Trung bình
137	[illegible]	Nguyễn Thị Thúy	Hà	07/11/2003	7.70	6.00	8.00	6.70	7.50	7.60	7.70	7.60	8.00	8.50		**7.60**	Khá
138	[illegible]	Nguyễn Hữu	Hải	11/05/2004	7.20	7.00	8.00	8.10	8.00	9.20	9.00	7.00	6.00	9.00		**8.03**	Giỏi
139	[illegible]	Nguyễn Phương	Hằng	16/12/2004	8.60	7.00	8.00	7.50	8.00	8.20	9.00	8.00	8.00	8.50		**8.17**	Giỏi
140	[illegible]	Đinh Quang	Huy	07/06/2004	7.30	7.00	8.00	6.90	7.00	7.10	9.30	7.00	7.00	8.00		**7.35**	Khá
141	[illegible]	Trần Ngọc Trường	Huy	03/07/2004	7.00	7.00	8.00	7.30	6.50	6.90	9.30	6.60	7.00	0.00	**1**	**6.24**	TB Khá
142	[illegible]	Hoàng Thị Mai	Hương	07/08/2004	8.50	7.00	8.00	7.40	7.00	8.40	7.70	7.80	7.50	8.00		**7.81**	Khá
143	[illegible]	La Tuấn	Kiệt	21/06/2004	7.00	7.00	8.00	6.20	0.00	5.00	9.30	8.60	0.00	0.00	**3**	**4.59**	Yếu
144	[illegible]	Nguyễn Vân	Trang	25/06/2004	7.10	7.00	8.00	7.70	7.50	8.40	9.00	10.00	8.50	8.00		**8.22**	Giỏi
145	[illegible]	Trần Thanh	Trâm	30/12/2003	7.10	7.00	8.00	7.20	6.50	7.30	7.70	7.60	7.50	8.00		**7.33**	Khá
146	[illegible]	Quách Thị Hải	Yến	25/08/2004	9.10	7.00	8.00	7.80	9.00	8.60	9.00	8.10	9.00	8.00		**8.51**	Giỏi
147	[illegible]	Nguyễn Linh	An	22/02/2004	7.30	7.00	8.00	7.40	7.00	7.80	9.30	8.50	6.00	8.00		**7.66**	Khá
148	[illegible]	[illegible]	An	03/11/2004	7.20	6.00	8.00	7.20	6.50	7.20	7.70	6.50	6.50	0.00	**1**	**6.11**	TB Khá
149	[illegible]	Lương Minh	Anh	04/09/2004	7.80	8.00	8.00	7.50	7.50	8.40	8.70	8.70	6.00	8.00		**7.88**	Khá
150	[illegible]	Phạm Lan	Chi	27/10/2004	8.60	7.00	8.00	6.70	6.50	7.70	7.80	6.50	6.50	8.00		**7.29**	Khá
151	[illegible]	Lê Đức	Chung	08/04/2003	8.70	6.00	8.00	7.80	8.50	8.80	7.70	7.70	7.50	9.00		**8.27**	Giỏi

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Các thủ	Giáo dục	Giáo dục thể chất 3	Hình hoạ	Màu sắc v	Màu sắc v	Nghệ thuật	Ngoại ngữ (Tiế	Phương pháp	Tư tưởng Hồ C	Số HP nợ	TBC HT	Xếp loại
Số đơn vị học trình					**3**	**11**	**1**	**4**	**3**	**4**	**2**	**3**	**2**	**3**			
152	[illegible]	Trần Quốc	Dũng	20/11/2003	7.30	8.00	8.00	7.90	8.50	8.40	8.70	7.50	7.00	9.00		**8.06**	Giỏi
153	[illegible]	Nguyễn Hoàng	Dương	06/12/2003	7.70	6.00	8.00	6.40	6.50	6.80	7.70	5.80	6.00	0.00	**1**	**5.84**	Trung bình
154	[illegible]	Nguyễn Văn	Đức	31/07/2002	7.80	8.00	8.00	6.70	7.50	7.60	9.30	7.70	8.00	7.50		**7.64**	Khá
155	[illegible]	Phan Đình	Giang	03/03/2003	7.80	6.00	8.00	7.30	7.00	7.90	9.30	6.00	8.00	7.00		**7.45**	Khá
156	[illegible]	Đỗ Ngân	Hà	19/07/2003	7.60	7.00	8.00	6.50	7.00	6.10	7.70	8.20	6.00	8.00		**7.09**	Khá
157	[illegible]	Nguyễn Hoàng	Hà	18/05/2003	9.10	7.00	8.00	7.90	6.00	8.80	9.30	7.30	6.00	8.50		**7.92**	Khá
158	[illegible]	Hà Minh	Hải	01/12/2004	7.30	6.00	8.00	7.20	8.00	8.20	9.30	6.60	7.50	8.00		**7.70**	Khá
159	[illegible]	Nguyễn Minh	Hải	06/07/2003	9.10	7.00	8.00	7.40	8.00	8.30	9.30	6.30	9.00	8.50		**8.13**	Giỏi
160	[illegible]	Trần Thị Phương	Hảo	06/01/2004	7.80	7.00	8.00	7.70	9.00	9.10	7.70	6.60	8.50	8.50		**8.14**	Giỏi
161	[illegible]	Ngô Xuân	Hiếu	29/06/2003	7.80	8.00	8.00	8.00	6.00	8.10	7.70	6.70	6.50	8.50		**7.49**	Khá
162	[illegible]	Đặng Cao	Huy	20/01/2002	8.20	7.00	8.00	7.90	8.50	8.30	7.70	8.10	7.50	8.50		**8.13**	Giỏi
163	[illegible]	Lê Việt	Hùng	12/12/2004	7.80	7.00	8.00	7.10	7.00	7.30	9.40	7.30	7.00	8.00		**7.53**	Khá
164	[illegible]	Lê Thị Minh	Hương	25/01/2004	8.10	7.00	8.00	8.00	7.50	8.70	9.30	7.80	8.50	8.00		**8.19**	Giỏi

Xuất sắc: 0 ***Giỏi: 23***
Khá: 97 ***TB Khá: 32***
Trung bình: 9 ***Yếu: 1***
Kém: 2

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

TS. Nguyễn Hoàng Hưng